



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 10/2023



**CÁC ĐIỂM MỚI NỔI
BẬT CỦA NGHỊ
ĐỊNH 70/2023/NĐ-
CP VỀ SỬ DỤNG
NGƯỜI LAO ĐỘNG
NƯỚC NGOÀI**

**7 ÁN LỆ MỚI
CÓ HIỆU LỰC TỪ
NGÀY 01/11/2023**



**PHÁT HÀNH BỞI LAC DUY & ASSOCIATES
LIÊN HỆ CHÚNG TÔI**

🌐 : <http://lacduy-associates.com>

✉ : lacduy@lacduy-associates.com

☎ : +84917275572/+842836221603

**📍 : Phòng 603, Tầng 6, Tòa nhà Centec, số 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, TP.HCM**



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 10/2023

Quý khách hàng thân mến,

Lac Duy & Associates trân trọng được gửi tới Quý khách hàng Bản tin pháp luật của tháng 10 năm 2023 với một số điểm tin và bài viết đáng chú ý như sau:

- Các điểm mới nổi bật của Nghị định 70/2023/NĐ-CP về sử dụng người lao động nước ngoài
- 7 Án lệ mới có hiệu lực từ ngày 01/11/2023
- Cập nhật Văn bản Pháp luật tháng 10/2023



<http://lacduy-associates.com>

lacduy@lacduy-associates.com

+84917275572/+842836221603



CÁC ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA NGHỊ ĐỊNH 70/2023/NĐ-CP VỀ SỬ DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI



Ngày 18 tháng 9 năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị định 70/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 152/2020/NĐ-CP quy định về

người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. Chúng tôi gửi đến Quý Khách Hàng một số điểm đáng chú ý của Nghị định này.

1. Sửa đổi, bổ sung một số yêu cầu đối với chuyên gia, giám đốc điều hành, lao động kỹ thuật nước ngoài

- (i) Tại Điều 1.1 Nghị định 70/2023/NĐ-CP nói lỏng yêu cầu đối với chuyên gia. Thay vì quy định cũ chuyên gia phải có bằng đại học đúng chuyên ngành dự kiến làm việc thì kể từ 18/9/2023 trở đi, chuyên gia chỉ cần tốt nghiệp đại học trở lên hoặc tương đương và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc phù hợp với vị trí công việc dự kiến làm việc tại Việt Nam.
- (ii) Bổ sung quy định về giám đốc điều hành không chỉ là người đứng đầu và trực tiếp điều hành đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mà còn được nói rộng phạm vi hơn:
 - Người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp;
 - Người đứng đầu và trực tiếp điều hành ít nhất 01 lĩnh vực của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- (iii) Sửa đổi yêu cầu đối với lao động kỹ thuật nước ngoài phải làm đúng chuyên ngành được đào tạo; mà thay vào đó chỉ cần được đào tạo ít nhất 01 năm và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm phù hợp với vị trí công việc dự kiến làm việc tại Việt Nam.

2. Rút ngắn thời hạn báo cáo nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài đồng thời thay đổi cơ quan tiếp nhận báo cáo

- (i) **Trước ít nhất 15 ngày** kể từ ngày dự kiến sử dụng lao động nước ngoài, người sử dụng lao động (trừ nhà thầu) có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được và báo cáo giải trình với **Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội** nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc.
- (ii) Trong quá trình thực hiện nếu thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài về vị trí, chức danh công việc, hình thức làm việc, số lượng, địa điểm thì người sử dụng lao động phải báo cáo với **Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội** trước **ít nhất 15 ngày** kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài.

3. Tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng người lao động nước ngoài

Từ ngày 01/01/2024 việc thông báo tuyển dụng sẽ được thực hiện trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm) hoặc trên Cổng thông tin điện tử của Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập trong khoảng thời gian ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến báo cáo giải trình. Nội dung thông báo tuyển dụng bao gồm:

- (i) Vị trí chức danh và công việc;
- (ii) Mô tả công việc;
- (iii) Số lượng;
- (iv) Yêu cầu về trình độ, kinh nghiệm;
- (v) Mức lương;
- (vi) Thời gian và địa điểm làm việc.





Sau khi không tuyển dụng được người lao động Việt Nam, người sử dụng lao động có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo quy định.

4. Thay đổi cơ quan có thẩm quyền về việc ban hành văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc sử dụng người lao động nước ngoài

Theo Điều 1.2 Nghị định 70/2023/NĐ-CP Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ là các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc. Thời hạn để ra các văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài. Trước đây Nghị định 152/2020/NĐ-CP quy định thẩm quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận việc sử dụng người lao động nước ngoài thuộc về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh. Việc thay đổi về thẩm quyền này đã có sự thống nhất quản lý nhà nước về tuyển dụng, quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam từ địa phương đến trung ương.

5. Sửa đổi, bổ sung một số trường hợp người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

(i) Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cử sang Việt Nam làm các công việc:

- Giảng dạy;
- Làm nhà quản lý, giám đốc điều hành tại cơ sở giáo dục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập tại Việt Nam;
- Làm nhà quản lý, giám đốc điều hành tại các cơ sở, tổ chức được thành lập theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia.

(ii) Bổ sung trường hợp người lao động nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận vào Việt Nam để thực hiện các công việc sau:

- Giảng dạy, nghiên cứu;



- Làm nhà quản lý, giám đốc điều hành, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập tại Việt Nam.



6. Bổ sung một số trường hợp không cần thực hiện xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài

Điểm b Điều 1.2 Nghị định 70/2023/NĐ-CP sửa đổi Điều 4 Nghị định 152/2020/NĐ-CP bổ sung thêm các trường hợp người sử dụng lao động không phải thực hiện xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài bao gồm:

- (i) Là luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của Luật Luật sư;
- (ii) Người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam;
- (iii) Vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) theo quy định hay thỏa thuận trong các điều ước quốc tế ODA đã ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và nước ngoài;
- (iv) Được Bộ Ngoại giao cấp giấy phép hoạt động thông tin, báo chí tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;
- (v) Tình nguyện viên vào Việt Nam theo hình thức tự nguyện mà không hưởng lương để thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam;
- (vi) Người nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận vào Việt Nam để làm công việc giảng

dạy, nghiên cứu; hoặc làm nhà quản lý, giám đốc điều hành, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của cơ sở giáo dục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập.

7. Người lao động nước ngoài làm việc tại nhiều tỉnh, thành phải thực hiện báo cáo

Đây là điểm hoàn toàn mới của Nghị định 70/2023/NĐ-CP đối với người lao động nước ngoài. Đối với người lao động nước ngoài làm việc cho một người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày người lao động nước ngoài bắt đầu làm việc, người sử dụng lao động phải báo cáo qua môi trường điện tử về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nơi người lao động nước ngoài đến làm việc theo Mẫu số 17/PLI.

8. Quy định hình thức và cho phép giấy phép lao động bản điện tử

Thể thức của Giấy phép lao động có các yêu cầu sau:

- (i) Kích thước khổ A4 (21 cm x 29,7cm);
- (ii) Gồm 2 trang: trang 1 có màu xanh; trang 2 nền trắng, hoa văn màu xanh, ở giữa có hình ngôi sao;
- (iii) Giấy phép lao động được mã số như sau: mã số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và mã số Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành; 2 chữ số cuối của năm cấp giấy phép; loại giấy phép (cấp mới ký hiệu 1, gia hạn ký hiệu 2, cấp lại ký hiệu 3); số thứ tự (từ 000.001).
- (iv) Theo Nghị định mới Giấy phép lao động ngoài bản giấy theo mẫu như hiện nay, thì còn cho phép cấp Giấy phép lao động bản điện tử. Và thể thức của bản điện tử này phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và đáp ứng nội dung theo Mẫu số 12/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 70/2023/NĐ-CP.

9. Bổ sung trường hợp cấp lại giấy phép lao động

Trường hợp phải thực hiện cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài khi có thay đổi một trong các nội dung sau:



- (i) Họ và tên;
- (ii) Quốc tịch;
- (iii) Số hộ chiếu;
- (iv) Địa điểm làm việc;
- (v) Đổi tên doanh nghiệp mà không thay đổi mã số doanh nghiệp trong Giấy phép lao động còn thời hạn.

Điểm mới theo Nghị định này, khi doanh nghiệp đổi tên, người sử dụng lao động cần thực hiện thủ tục đổi Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài đang làm việc cho mình.

10. Bãi bỏ một số nhiệm vụ quyền hạn của Ban quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế

Nghị định 70/2023/NĐ-CP cũng tham gia điều chỉnh Nghị định số 35/2022/NĐ-CP về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế. Theo đó Nghị định này loại bỏ bớt một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế. Các nội dung bị bãi bỏ gồm điểm đ Điều 68.2 và điểm c Điều 68.3 của Nghị định 35/2022/NĐ-CP lần lượt là:

- (i) Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động và xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trong khu công nghiệp, khu kinh tế; tiếp nhận báo cáo tình hình sử dụng người lao động nước ngoài;
- (ii) Tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế về nhu cầu sử dụng người nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được.

Các thẩm quyền trên sẽ được trao lại cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nơi người lao động nước ngoài làm việc đảm nhiệm. Việc thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn này nhằm thống nhất trong quản lý nhà nước về tuyển dụng và quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ thống nhất quản lý nhà nước về tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài trên toàn quốc, bao gồm cả việc quản lý người lao động Việt



Nam làm việc cho tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thống nhất quản lý người lao động nước ngoài tại địa phương, bao gồm cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài. Việc tập trung nhiệm vụ và quyền hạn về cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ tạo ra hiệu quả và sự linh hoạt trong quá trình quản lý người lao động nước ngoài cũng như góp phần làm giảm khối lượng công việc cho Ủy ban nhân dân cấp địa phương, giúp doanh nghiệp dễ dàng thực hiện các thủ tục pháp lý khi có nhu cầu sử dụng hoặc thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.



7 ÁN LỆ MỚI CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 01/11/2023

1. Án lệ số 64/2023/AL về định khung hình phạt và tình định khung tăng nặng "có tổ chức" trong tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản"



1.1. Nguồn án lệ

Quyết định giám đốc thẩm số 15/2022/HS-GĐT ngày 04/10/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án hình sự "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản" đối với bị cáo Trần Văn N và đồng phạm.

1.2. Quy định pháp luật liên quan đến nội dung án lệ

Điều 169 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1.3. Bình luận án lệ

Tại án lệ này, Tòa án đã nhận định rằng không phải chỉ khi người phạm tội nhận được số tiền cụ thể thì mới áp dụng tình tiết định khung tăng nặng. Trong chuỗi quá trình phạm tội, khi mục đích của việc bắt cóc này đã thể hiện rõ rằng các bị cáo muốn chiếm đoạt một số tiền cụ thể thì không phụ thuộc vào việc các bị cáo đã chiếm đoạt được số tiền hay chưa, Tòa án phải áp khung hình phạt tăng nặng cho bị cáo. Tức là, Tòa án phải căn cứ vào giá trị tài sản bị cáo định chiếm đoạt để định khung hình phạt.

2. Án lệ số 65/2023/AL về truy cứu trách nhiệm hình sự tội "Mua bán người"

2.1. Nguồn án lệ

Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HSST ngày 03/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh



Bạc Liêu về vụ án “Mua bán người” đối với các bị cáo Dương Văn S, Phạm Hồng K, Dương Thị T1, Trần Ích C.

2.2. Quy định pháp luật liên quan đến nội dung án lệ

- Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của Bộ luật Hình sự.

2.3. Bình luận án lệ

Đối với án lệ này, bị cáo Dương Văn S vì lợi ích cá nhân là tìm ngư phủ cho các tàu đánh cá để nhận tiền chênh lệch nên đã có hành vi tiếp nhận các bị hại để chuẩn bị chuyển giao cho các tàu đánh cá. Ngoài ra các đồng phạm là Phạm Hồng K, Trần Ích C và Dương Thị T1 đã tiếp tay S giam giữ, dùng vũ khí đe dọa các bị hại để ký hợp đồng đi biển. Như vậy ngoài Dương Văn S có hành vi mua bán người trực tiếp, hành vi của các bị cáo Phạm Hồng K, Trần Ích C và Dương Thị T1 tuy không trực tiếp nhận tiền để tiếp nhận người, nhưng với các hành vi giam giữ, đe dọa ký hợp đồng trái ý muốn nhằm chuyển giao bị hại cho các tàu đánh cá đã thể hiện mục đích của các bị cáo này là mua bán người để cùng nhssnj tiền với bị cáo Dương Văn S. Vì vậy, có căn cứ để Tòa án tuyên những bị cáo này có bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán người”.

3. Án lệ số 66/2023/AL về việc xác định tội danh "Mua bán người"

3.1. Nguồn án lệ

Bản án hình sự phúc thẩm số 86/2022/HS-PT ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về vụ án “Mua bán người” đối với các bị cáo Trịnh Thị H và Đặng Thị C.





3.2. Quy định pháp luật liên quan đến nội dung án lệ

- Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của Bộ luật Hình sự.

3.3. Bình luận án lệ

Hiện nay, việc đưa các “cô dâu Việt” xuất cảnh trái phép để lấy chồng nước ngoài là một vấn nạn nhức nhối vẫn còn hiện diện tại một số khu vực. Tuy nhiên, tùy vào tình huống mà những cô gái này ở thể chủ động hoặc bị động (tự nguyện hoặc bị lừa) khi bị đưa ra nước ngoài trái phép. Các hành vi bất hợp pháp của những người môi giới này có thể gây nhầm lẫn giữa tội "Mua bán người" và tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép". Án lệ số 66 đã xác định hành vi của H và C đã có sự bàn bạc với động cơ, mục đích là đưa phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc giao cho T để được nhận tiền, chứ không phải là người môi giới lấy chồng nước ngoài hay đưa người trốn đi nước ngoài. Các bị cáo đã coi con người như một vật trao đổi để lấy tiền, vì vậy tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm xét xử các bị cáo về tội mua bán người theo điểm d khoản 2 Điều 150 BLHS và áp dụng mức hình phạt theo khung hình phạt là phù hợp.

4. Án lệ số 67/2023/Al về người được nhận hiện vật khi chia tài sản chung.

4.1. Nguồn án lệ

Quyết định giám đốc thẩm số 40/2021/DS-GĐT ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về vụ án dân sự "Tranh chấp chia tài sản chung" giữa nguyên đơn là cụ Nguyễn Thị Đ với bị đơn là anh Phạm Ngọc H; người có quyền lợi,





nghĩa vụ liên quan gồm 06 người.

4.2. Quy định pháp luật liên quan đến nội dung án lệ

Điều 209 và Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.3. Bình luận án lệ

Theo quy định tại Điều 219 BLDS 2015 về chia tài sản thuộc sở hữu chung, các bên có thể yêu cầu bán phần quyền sở hữu của mình trong khối tài sản chung đó trong trường hợp không thể chia tài sản bằng hiện vật. Tuy nhiên, vụ án này cả cụ Đ và anh H đều muốn giữ nguyên hiện trạng căn nhà và thửa đất. Vì vậy, buộc một trong hai bên sẽ không được hưởng hiện vật mà chỉ nhận một nửa giá trị tài sản. Nhưng quy định ai là người được hưởng hiện vật không được quy định trong BLDS 2015 và các văn bản khác có liên quan. Vì thế, Tòa án cấp giám đốc thẩm đã xét nhiều yếu tố từ cụ Đ như: là người cao tuổi, sức yếu, có hạn chế trong việc thay đổi, tạo lập chỗ ở khác. Ngoài ra cụ Đ có công tạo lập, quản lý và sử dụng nhà đất ổn định, lâu dài, đồng thời, các con của cụ Đ cũng đề nghị giao nhà đất cho cụ Đ để cụ có chỗ ở, có nơi thờ cúng cụ T cho đến khi cụ qua đời. Do đó Tòa án quyết định giao nhà đất cho cụ Đ là phù hợp. Đây là phán quyết không chỉ đáp ứng đủ các nguyên tắc áp dụng pháp luật mà còn tôn trọng các quy tắc ứng xử đạo đức xã hội đối với những người lớn tuổi.



5. Án lệ số 68/2023 về quyền nhận di sản bằng hiện vật là nhà ở của người thừa kế là người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

5.1. Nguồn án lệ

Quyết định giám đốc thẩm số 06/2019/DS-GĐT ngày 18/3/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao về vụ án dân sự "Tranh chấp thừa kế, đòi công sức đóng góp nuôi dưỡng, trông nom, bảo quản nhà, đất và đòi nhà, đất" giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Túy H với bị đơn là bà Lý Lan H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm 06 người.



5.2. Quy định pháp luật liên quan đến nội dung án lệ

- Điểm d khoản 1 Điều 169; Điều 186 Luật Đất đai năm 2013;
- Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 8 Luật Nhà ở năm 2014.

5.3. Bình luận án lệ

Trong tình huống án lệ này, cụ H2 mất vào năm 2009 trước khi Luật Đất đai năm 2013 và Luật Nhà ở năm 2014 có hiệu lực. Tại thời điểm xét xử vụ án chia thừa kế tài sản Luật Đất đai năm 2013 và Luật Nhà ở năm 2014 đã có hiệu lực pháp luật, Tòa án cấp giám đốc thẩm đã áp dụng hai văn bản nêu trên để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, tại thời điểm xử phúc thẩm, khi Luật Nhà ở năm 2014 đã có hiệu lực, khoản 1 Điều 8 Luật Đất đai 2013 đã thể hiện rằng bà H1 đủ điều kiện nhận thừa kế nhà ở tại VN. Tuy nhiên tòa phúc thẩm không công nhận quyền này thể hiện qua việc không áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 186 Luật Đất đai 2013 về quyền được chuyển nhượng hoặc được tặng cho quyền sử dụng đất thừa kế và giao toàn bộ hiện vật đối với phần thừa kế cho ông D, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bà H1. Hội đồng giám đốc thẩm nhận định áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 186 Luật Đất đai 2013 thì bà H1 tuy không được quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng được quyền chuyển nhượng hoặc được tặng cho quyền sử dụng đất thừa kế. Vì vậy, bà H1 được quyền nhận hiện vật đối với phần thừa kế của mình. Thực tế, quan hệ thừa kế thường kéo dài với những vấn đề pháp lý xảy ra ở các thời điểm khác nhau như thời điểm mở thừa kế, thời điểm yêu cầu chia di sản, và đôi khi các sự kiện nêu trên xảy ra ở các thời điểm có luật khác nhau như trong vụ án trên khiến cho cơ quan xét xử lúng túng trong việc xác định quy định cần áp dụng. Do đó, Án lệ 68 được thông qua là cần thiết để thống nhất pháp luật, làm cho pháp luật về thừa kế dễ áp dụng (không cần ban hành văn bản hướng dẫn) và tạo điều kiện cho người thừa kế là người Việt Nam định cư ở nước ngoài được bảo đảm quyền lợi.

6. Án lệ số 69/2023/AL về thẩm quyền của Trọng tài thương mại trong việc giải quyết tranh chấp thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh.

Đối với Án lệ này, LDA đã trình bày tại Bản tin pháp luật tháng 7/2023 tại phần “*Dự thảo Án lệ số 12/2023 – Quyết định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại đối với thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh.*” Bạn đọc vui lòng tham khảo tại đường link: <https://lacduy-associates.com/ban-tin-phap-ly/Thang-7.pdf>



7. **Án lệ số 70/2023/AL về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động là cán bộ công đoàn không chuyên trách.**

Đối với Án lệ này, LDA đã trình bày tại Bản tin pháp luật tháng 8/2023 tại phần “*Dự thảo Án lệ số 13 – Về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động là cán bộ công đoàn không chuyên trách*”. Bạn đọc vui lòng tham khảo tại đường link: <https://lacduy-associates.com/ban-tin-phap-ly/thang-8.pdf>



VĂN BẢN PHÁP LUẬT THÁNG 10/2023

SỐ	NGÀY HIỆU LỰC	TÊN VĂN BẢN
----	---------------	-------------

TƯ PHÁP

1.	27/09/2023	Văn bản hợp nhất 4510/VBHN-BTP năm 2023 hợp nhất Thông tư hướng dẫn Nghị định 87/2020/NĐ-CP quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành
2.	05/10/2023	Văn bản hợp nhất 4716/VBHN-BTP năm 2023 hợp nhất Nghị định hướng dẫn Luật đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp ban hành

Y TẾ

1.	09/11/2023	Thông tư 17/2023/TT-BYT sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành
----	------------	---

TÀI CHÍNH

1.	15/11/2023	Thông tư 61/2023/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành
2.	03/10/2023	Thông tư 62/2023/TT-BTC sửa đổi Thông tư 25/2021/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành
3.	05/10/2023	Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2023 hợp nhất Thông tư hướng dẫn Nghị định 67/2014/NĐ-CP về chính sách phát triển thủy sản do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

BẢO HIỂM XÃ HỘI

1.	25/09/2023	Quyết định 1333/QĐ-BHXH năm 2023 về Quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam
----	------------	---



CÔNG THƯƠNG

1.	28/09/2023	Quyết định 2503/QĐ-BCT phê duyệt khung giá điện năm 2023 do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành
----	------------	---

XÂY DỰNG

1.	22/09/2023	Văn bản hợp nhất 12/VBHN-BXD năm 2023 hợp nhất Nghị định hướng dẫn Luật Kiến trúc do Bộ Xây dựng ban hành
2.	27/09/2023	Văn bản hợp nhất 13/VBHN-BXD năm 2023 hợp nhất Nghị định hướng dẫn về quy hoạch xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành
3.	28/09/2023	Quyết định 1023/QĐ-BXD năm 2023 công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng
4.	02/10/2023	Văn bản hợp nhất 14/VBHN-BXD năm 2023 hợp nhất Nghị định hướng dẫn về quản lý dự án đầu tư xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành

TÒA ÁN

1.	01/10/2023	Quyết định 364/QĐ-CA năm 2023 công bố án lệ do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành
----	------------	--